TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DS-PT

Ngày: 19 – 02 - 2024

V/v tranh chấp *" Quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản ".*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp *"Quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 810/2023/QĐ-PT ngày 11/10/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm số 873/TB-TA ngày 14/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 02/01/2024 và Thông báo về việc dời phiên tòa phúc thẩm số 44/TB-TA ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Hồng H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: H L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H:

- Anh **Hồ Vĩnh H1**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: 3 Ấp B, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Theo Giấy ủy quyền ngày 01/9/2022

- Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1944 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số F Rạch G, Phường A, thành phố M, Tiền Giang. Theo Giấy ủy quyền ngày 15/02/2023.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1953 (có mặt).

Cùng địa chỉ: H L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953 (có mặt).

3.2. Huỳnh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

3.3. Chị Liêu Xuân T1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

3.4. Anh Liêu Đại N, sinh năm 1995(vắng mặt).

3.5. Chị Lê Ngọc H2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3.6. Huỳnh Bảo C, sinh năm 2002 (vắng mặt).

3.7. Huỳnh Văn Bảo Q1, sinh ngày 10/01/2006.

3.8. Huỳnh Bảo T2, sinh ngày 09/11/2007.

Người giám hộ cho Bảo Q1, Bảo T2: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953 (có mặt).

3.9. Lê Minh K, sinh ngày 08/5/2015.

Người giám hộ cho cháu K: chị Lê Ngọc H2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: H L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 của nguyên đơn bà Võ Hồng H và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Hồ Vĩnh H1, ông Nguyễn Văn G đều trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất 86,5m² do bà H nhận thừa kế của cha bà là ông Võ Văn T3, mẹ là bà Trần Thị N1 chết để lại. Sau đó anh, chị em của bà H gồm: Võ Thanh V, Võ Thanh T4 và Võ Hồng H làm Văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 16/5/2011 do Phòng C1 tỉnh Tiền Giang chứng nhận số công chứng: 40 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 00960 do UBND thành phố M cấp ngày 18/7/2011, thửa 330, tờ bản đồ 43, diện tích 86,5m², đất ở tại đô thị.

Nay, bà Võ Hồng H yêu cầu bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong hộ phải di dời gạch ceramic nhám diện tích 2,7m², để trả lại cho bà H phần đất có diện

tích 2,7m² (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022), thuộc thửa đất số 330, tờ bản đồ số 43 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 18/7/2011 cho bà H (hiện phần đất này bà T làm sàn nước và chỗ phơi đồ)

- Yêu cầu bà T và các thành viên trong hộ phải tháo gỡ mái tôn có một phần thừa được cuốn mép gắn vào tường nhà bà H và tất cả khung sắt hộp có phần đầu gác vào tường nhà bà H bằng cây sắt phi 10, giấy dán tường xốp cao 2,67m dài 11,3m, diện tích 30,17m², 01 quạt, 01 đồng hồ, 01 ổ cắm, 01 CP + 01 tắc kê để định vị dây cáp an-ten ra khỏi vách tường nhà bà, tô lại bức tường cho bằng phẳng, không được sử dụng bức tường của bà H. Bà H yêu cầu gia đình bà T tháo dỡ chậm nhất trong thời gian 02 tháng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2022 (bút lục 99) bị đơn bà Huỳnh Thị T - đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Diện tích đất bà H tranh chấp với gia đình bà T 2,7m² theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022) là đất của bà T nên không đồng ý trả cho bà H. Đối với các vật dụng gắn lên tường nhà bà H phía gia đình bà T đồng ý tháo dỡ, nhưng xin trong thời gian 03 tháng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại Tờ khai ngày 22/02/2023 và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn Đ (vừa là người giám hộ cho cháu Bảo Q1, B); Anh Huỳnh Nguyễn Đức Q, chị Liêu Xuân T1, anh Liêu Đại N, chị Lê Ngọc H2, chị Huỳnh Bảo C đều trình bày:*

Diện tích đất bà H tranh chấp với gia đình bà T 2,7m² (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022) là đất của bà T do Trường tiểu học K1 bán cho bà T, nên không đồng ý trả đất cho bà H. Đối với các vật dụng gắn lên tường nhà bà H, gia đình bà T đồng ý tháo dỡ trong thời gian 01 tháng.

** Tại phiên tòa ngày 16/6/2022 (bút lục 111) ông Đ trình bày:* Phần đất này của Trường K1 cho gia đình ông sử dụng mở cửa sau và chỗ phơi đồ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Điều 26, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 157, 165, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng H.

1. Buộc bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong hộ phải có nghĩa vụ di dời nền gạch ceramic nhám diện tích 2,7m² và trả lại cho bà Võ Hồng H diện tích đất 2,7m² thuộc thửa 330, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại H L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vị trí T, có tứ cận:

- Đông giáp: đất của bà H đang sử dụng 4,04m.

- Tây giáp: đất Trường tiểu học K1 4,08m.

- Nam giáp: đất của bà H đang sử dụng 0,35m.

- Bắc: giáp đất hộ bà Huỳnh Thị T 1m.

(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022 của Công ty TNHH Đ1).

2. Buộc bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong hộ phải có nghĩa vụ tháo gỡ mái tole có một phần thừa được cuốn mép gắn vào tường nhà bà H và tất cả khung sắt hộp có phần đầu gác vào tường nhà bà bằng cây sắt phi 10, giấy dán tường xốp cao 2,67m dài 11,3m, diện tích 30,17m²; 01 quạt; 01 đồng hồ; 01 ổ cắm, 01 CP + 01 tắc kê để định vị dây cáp an-ten ra khỏi vách tường nhà bà H, tô lại bức tường cho bằng phẳng, không được sử dụng bức tường của bà H.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định, đo đạc, định giá (đã thực hiện xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong hộ phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H3 lại cho bà Võ Hồng H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004525 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 30 tháng 5 năm 2023, bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo: bà T, ông Đ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố M, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng H.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

- Đại diện do được ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị T, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T và ông Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

- Đại diện do được ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Hồng H là ông Hồ Vĩnh H1 và ông Nguyễn Văn G trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về *"Quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản",* quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự . Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Nguyễn Đức Q, chị Liêu Xuân T1, anh Liêu Đại N, chị Lê Ngọc H2, Huỳnh Bảo C đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q, chị T1, anh N, chị C, chị H2.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Võ Hồng H được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 00960 ngày 18/7/2011 đối với thửa số 330, tờ bản đồ số 43, diện tích 86,5m², đất ở tại đô thị (bút lục 41), trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất này thể hiện hướng tây giáp với đất của bà T và Trường K1, đồng thời trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất này có sơ đồ, thể hiện có phần đất đang tranh chấp.

- Hộ Huỳnh Thị T được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02553.QSDĐ/787/QĐ.UB ngày 30/9/2004 đối với thửa số 29, tờ bản đồ số 43, diện tích 79.0m², loại đất ở (bút lục 48, 49). Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không thể hiện phần đất tranh chấp.

[2.2] Tại Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 14/4/2011, đối với thửa đất số 330, tờ bản đồ số 43, phần ranh giới đất của bà Võ Hồng H giáp bà Huỳnh Thị T có chiều dài 3,83m và 8,64m và 1,55m và giác độ dài 0,74m; giáp Trường K1 có chiều dài 4,02m và 2,70m (Bút lục 39).

- Tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất của bà Huỳnh Thị T ngày 25/9/1998 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43 thể hiện phần đất của hộ bà Huỳnh Thị T giáp

Trường Tiểu học K1 ngang 4,51m; giáp hộ ông Võ Văn T3 là 4,24m và 8,64m và 1,65m và giác độ là 0,74m (Bút lục 28).

- Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022 phần đất bà Huỳnh Thị T đang sử dụng có diện tích 74,7m² giáp Trường Tiểu học K1 là 4,46m và giáp phần đất bà Võ Hồng H là 9,85m và 0,3m và 1,8m và 1,00m. Phần đất bà Võ Hồng H đang sử dụng có diện tích 72,9m². Phần đất tranh chấp có diện tích 2,7m² (Bút lục 92).

- Qua so sánh đối chiếu *"Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất"* ngày 14/4/2011, *"Hồ sơ kỹ thuật thửa đất"* của bà Huỳnh Thị T ngày 25/9/1998 và "*Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất"* ngày 10/8/2022 thì xác định được phần đất tranh chấp hình tam giác có diện tích là 2,7m^2 thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Võ Hồng H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 00960 do U cấp ngày 18/7/2011 đối với thửa số 330, tờ bản đồ số 43, diện tích 86,5m², đất ở tại đô thị tọa lạc tại H L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2.3] Tại Biên bản xác minh ngày 13/01/2023, có nội dung: Trường tiểu học K1 cho biết: Hàng rào hiện tại của T5 xây lại trên hàng rào cũ lúc trước, giữ nguyên hiện trạng như ban đầu và xây đúng như giấy đất. T5 không có văn bản cho đất cho bà Huỳnh Thị T.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/12/2023, ông Trần Quang X là bảo vệ trường Tiểu học K1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của nhà thờ sau đó nhà thờ hiến cho trường K1, còn phần diện tích đất dư ra nên cho phía nhà ông Đ. Ông không biết hộ ông Đ, bà T có mua phần đất tranh chấp hay không? Ông chỉ biết phần đất tranh chấp phía gia đình ông Đ quản lý sử dụng từ lâu rồi.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/12/2023, ông Hồ Thanh P trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà N2. Ông không biết hộ ông Đ, bà T có mua phần đất tranh chấp hay không? Ông chỉ biết phần đất tranh chấp phía gia đình ông Đ quản lý sử dụng từ lâu đời.

[2.4] Bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông, bà không nộp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ ông, bà.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đại diện ủy quyền của phía nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn Đ do bà T, ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 157, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

- Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng H.

1. Buộc bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong hộ phải có nghĩa vụ di dời nền gạch ceramic nhám diện tích 2,7m² và trả lại cho bà Võ Hồng H diện tích đất 2,7m² thuộc thửa 330, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại H L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vị trí T, có tứ cận:

- Đông giáp: đất của bà Võ Hồng H đang sử dụng 4,04m.

- Tây giáp: đất của Trường tiểu học K1 4,08m.

- Nam giáp: đất của bà Võ Hồng H đang sử dụng 0,35m.

- Bắc: giáp đất của hộ bà Huỳnh Thị T 1m.

(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/8/2022 của Công ty TNHH Đ1).

2. Buộc bà Huỳnh Thị T và các thành viên trong hộ phải có nghĩa vụ tháo gỡ mái tole có một phần thừa được cuốn mép gắn vào tường nhà bà H và tất cả khung sắt hộp có phần đầu gác vào tường nhà bà bằng cây sắt phi 10, giấy dán tường xốp cao 2,67m dài 11,3m, diện tích 30,17m²; 01 quạt; 01 đồng hồ; 01 ổ cắm, 01 CP + 01 tắc kê để định vị dây cáp an-ten ra khỏi vách tường nhà bà H, tô lại bức tường cho bằng phẳng, không được sử dụng bức tường của bà H.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị T.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ.

H3 lại cho bà Võ Hồng H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004525 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải